TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-3-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thục;

2. Bà Hà Thị Hồng Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dânthành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn,theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hứa Thị T, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 01, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1994; nơi đang ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 01, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn chị Hứa Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Trần Minh T quen biết, tìm hiểu yêunhau từ năm 2012, đến cuối năm thìchị có thai; thời gian này anh Trần Minh T đang đi đang đi nghĩa vụ quân sự ở huyện H không về được, nên chỉ tổ chức đám cưới bên nhà chị. Đến ngày 02/8/2013 chị sinh một con trai, khi được khoảng hơn 1 tuần thì mẹ anh Trần Minh T sang đón chị

cùng con về nhà chồng sinh sống. Năm 2014 khi anh Trần Minh T hoàn thành nghĩa vụ quân sự thì ngày 08/8/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, và ngày 21/8/2014 chị chuyển hộ khẩu nhập về gia đình nhà chồng tại số 1, đường P, phường C, thành phố L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên bất đồng quan điểm và cãi vã, đỉnh điểm từ tháng 8/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác nhau cách dạy dỗ con cái, ngoài ra do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhưng anh Trần Minh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con mà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Việc mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết và khuyên nhủ, anh Trần Minh T đã viết cam kết nhưng sau vẫn không thay đổi.Từ tháng 6/2021 vợ chồng sống ly thân, nhưng anh Trần Minh T đến nơi chị bán bánh mỳ xúc phạm chị và gia đình bên ngoại, còn nhắn tin điện thoại chửi chị gây tâm lý lo sợ. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm đến ai, có kéo dài hôn nhân cũng không hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung, vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Hứa Hải L, sinh ngày 02/8/2013, hiện nay đang ở với bố và bà nội, nên chị để anh Trần Minh T nuôi dưỡng. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung, vợ chồng không có tài sản chung, chị cam kết không có khoản vay nợ chung với ai.

Bị đơn anh Trần Minh T tại bản tự khai ngày 21/12/2021, lời trình bày tại phiên hòa giải ngày 27/12/2021 và tại phiên tòa như sau: Về quan hệ hôn nhân, việc tìm hiểu, quen biết và điều kiện kết hôn như chị Hứa Thị T trình bày là đúng. Anh khẳng định vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, vào ngày 08/8/2014. Trước khi đăng ký kết hôn thì chị Hứa Thị T có thai, nhưng do anh đang đi nghĩa vụ quân sự nên không tổ chức đám cưới. Sau khi vợ sinh con ngày 02/8/2013 thì chị Hứa Thị T và con chung về sinh sống cùng gia đình anh. Đến khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự về gia đình mới đăng ký kết hôn và đăng khai sinh cho con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Hứa Thị T chơi lô đề, thua lỗ phải vay mượn tiền của bạn bè để trả nợ, trong khi kinh tế gia đình khó khăn, công việc làm không có dẫn đến cãi nhau, còn việc đánh vợ là do cãi nhau lúc dạy con học anh có tát chị Hứa Thị T một lần, ngoài ra không đánh thêm lần nào nữa. Việc mâu thuẫn vợ chồng bố mẹ gia đình hai bên đều biết, nhưng không can thiệp mà để vợ chồng tự quyết định. Nay chị Hứa Thị T xin ly hôn vì vợ chồng không hợp, anh không quan tâm vợ con, chửi bới xúc phạm và đánh vợ, có quan hệ với người phụ nữa khác là không có.Mà mâu thuẫn vợ chồng chỉ là chuyện nhỏ nhặt, không phải trầm trọng. Do vậy, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, hơn nữa do con còn nhỏ cần sự chăm sóc, quan tâm cả bố mẹ, nên anh không đồng ý ly hôn với chị Hứa Thị T.

Về con chung, chỉ có 01 con chung là đúng, do chị Hứa Thị T tự về nhà bố mẹ đẻ để ở và sống ly thân, nên con chung ở với anh và bà nội và học lớp

3A2, trường Tiểu học C, thành phố L. Trường hợp nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và chị Hứa Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng; anh không đồng ý mức cấp dưỡng chị Hứa Thị T đưa, vì không đủ để trang trải các chi phí cho con ăn học. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, anh cam kết không có khoản vay nợ chung.

Tại bản khai, cháu Trần Hứa Hải L trình bày: Trong thời gian bố mẹ chung sống thấy bố mẹ hay cãi nhau, hiện cháu đang ở cùng bố và bà nội. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố và bà nội.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần trình bày của các đương sự, phần hỏi tại phiên tòa và công bố các tài liệu tại phiên tòa, chị Hứa Thị T vẫn xin ly hôn, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung như anh Trần Minh T yêu cầu là 2.000.000 đồng/tháng, anh Trần Minh T vẫn mong muốn đoàn tụ. Nhưng tại phần tranh luận chị Hứa Thị T giữ yêu cầu xin ly hôn và được anh Trần Minh T đồng ý và tự thỏa thuận các nội dung như sau: Về quan hệ hôn nhân chị Hứa Thị T và anh Trần Minh T thỏa thuận thuận tình ly hôn; về con chung anh Trần Minh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Hứa Hải L, chị Hứa Thị T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, trả theo tháng, bắt đầu từ tháng 4/2022, không yêu cầu tiền lãi chậm trả số tiền cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, vay nợ chung không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết việc ly hôn, con chung, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định, nên không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ kiện, do tại phiên tòa các bên đương sự đã thỏa thuận được nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 235, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận, vì thỏa thuận không bị ép buộc, không vi phạm pháp luật, nên cần công nhận sự thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân, công nhận các bên thuận tình ly hôn; về con chung, công nhận sự thỏa thuận giao con chung cho anh Trần Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chị Hứa Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.00 đồng, trả theo tháng, tính từ tháng 4/2022; về tài sản chung, nợ chung, không có nên không xem xét giải quyết. Vềán phí, chị Hứa Thị T là người khởi kiện xin ly hôn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ ánđã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hứa Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Minh T, hiện bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và

chỗ ở tại phường C, thành phố L. Nênvụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị T và anh Trần Minh T tự nguyện kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, đăng ký kết hôn ngày 08/8/2014 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, nên hôn nhân giữa các đương sựlà hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi chửi nhau, do bất đồng quan điểm, do điều kiện kinh tế, việc làm của hai bên không ổn định. Đỉnh điểm mâu thuẫn qua các tin nhắn chị Hứa Thị T cung cấp, thể hiện anh Trần Minh T có ý coi thường vợ và gia đình bên ngoại, nhắn tin chửi bới, xúc phạm có lời lẽ không đúng.Dẫn đến các bên đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án chị Húa Thị T vẫn nhất quyết xin ly hôn; còn anh Trần Minh T mong muốn đoàn tụ, vì con còn nhỏ, ly hôn lúc này chưa phù hợp. Tuy nhiên, thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thiếu sự tôn trọng nhau, dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Tại phiên tòakhi trình bày ý kiến tranh luận các bên đã tự thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thuận tình ly hôn là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, nên được công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình vàĐiều 235, 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa.

[3] Về con chung, vợ chồng có 01 con chunglà cháu Trần Hứa Hải L, sinh ngày 02/8/2013, hiện nay cháu đang ở với anh Trần Minh T. Tại phiên tòa các bên thỏa thuận đểanh Trần Minh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, chị Hứa Thị T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; phương thức trả theo tháng, bắt đầu tính từ tháng 04/2022. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp nên áp dụngĐiều 81, 82, 83, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân gia đình vàĐiều 235, 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sựđều thừa nhận không có nên không đề cập xem xét.

[5] Về án phí, chị Hứa Thị T là nguyên đơn xin ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự vàđiểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố là phù hợp, có căn cứ pháp luật, nên được Hội đồng xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 và 118Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 235, 246của Bộ luật Tố

tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6Điều 27Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giữa nguyên đơn chị Hứa Thị T với bị đơn anh Trần Minh T như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ChịHứa Thị T và anh Trần Minh T thuận tình ly hôn.*(Giấy chứng nhận kết hôn số 94, đăng ký kết hôn ngày 08/8/2014 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).*

Về con chung: Chị Hứa Thị T và anh Trần Minh T chỉ có một con chung và thỏa thuận: Giao con chung là cháu Trần Hứa Hải L, sinh ngày 02/8/2013cho anh Trần Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khicon chung đủ 18 tuổi.

Chị Hứa Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cấp dưỡng theo tháng, bắt đầu từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi cháu Trần Hứa Hải L đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; anh Trần Minh T không yêu cầu phải trả tiền lãi về tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Chị Hứa Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng)án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đồngtiền tạm ứng án phíđã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000656 ngày 25/10/2021củaChi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Hứa Thị T còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS nhân dântỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND thành phố Lạng Sơn;
- CC.THA DS thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Xuân Tĩnh